

Mối quan hệ giữa kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh và kinh tế xanh ở Việt Nam

The relationship between the circular economy, green growth, and the green economy in Vietnam

Nguyễn Thùy Linh¹, Nguyễn Văn Mạnh²

¹Trường Đại học Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh

²Phân hiệu Trường Đại học Bình Dương tại Cà Mau

Tác giả liên hệ: Nguyễn Văn Mạnh. Email: nvmanh.cm@bdu.edu.vn

Tóm tắt: Bài viết tập trung vào mối quan hệ giữa kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh và kinh tế xanh ở Việt Nam. Kết quả cho thấy mô hình kinh tế tuần hoàn, với việc tối ưu hóa tài nguyên và giảm thiểu chất thải, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng xanh và hướng tới nền kinh tế xanh bền vững. Bài viết sử dụng dữ liệu từ WB (2024) để phân tích thực trạng, thách thức và đề xuất các giải pháp cụ thể cho Việt Nam trong việc áp dụng kinh tế tuần hoàn và tăng trưởng xanh.

Từ khóa: *Kinh tế tuần hoàn; Kinh tế xanh; Tăng trưởng xanh*

Abstract: This article focuses on the relationship between the circular economy, green growth, and the green economy in Vietnam. The results indicate that the circular economy model, with resource optimization and waste minimization, plays a crucial role in promoting green growth and advancing towards a sustainable green economy. The article uses data from the WB (2024) to analyze the current situation, challenges, and propose specific solutions for Vietnam in implementing the circular economy and green growth.

Keywords: *Circular economy; Green economy; Green growth.*

1. Giới thiệu

Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế nhằm giảm thiểu chất thải và tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên. Thay vì mô hình kinh tế tuyến tính truyền thống (sản xuất - tiêu thụ - thải bỏ), kinh tế tuần hoàn tập trung vào việc giữ nguyên giá trị của sản phẩm, vật liệu và tài nguyên càng lâu càng tốt, thông qua tái chế, tái sử dụng, và tái sản xuất. Kinh tế tuần hoàn tác động tích cực đến tăng trưởng xanh ở những nội dung cơ bản sau: (i) Giảm thiểu chất thải và ô nhiễm: Mô hình kinh tế tuần hoàn giảm thiểu lượng chất thải đổ ra môi trường, giảm ô nhiễm và bảo vệ hệ sinh thái. (ii) Tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên: Việc tái sử dụng và tái chế giúp giảm áp lực lên tài nguyên thiên nhiên. (iii) Tạo việc làm xanh: Kinh tế tuần hoàn tạo ra các cơ hội việc làm mới trong lĩnh vực tái chế, tái sử dụng, và quản lý chất thải. (iv) Cải thiện

hiệu suất kinh tế: Các doanh nghiệp có thể giảm chi phí sản xuất và tăng cường hiệu quả thông qua việc tận dụng các tài nguyên một cách hiệu quả hơn.

Nhiều quốc gia và khu vực đã nhận ra tầm quan trọng của kinh tế tuần hoàn và đã triển khai các chính sách và chiến lược cụ thể để thúc đẩy mô hình này: (i) Liên minh Châu Âu (EU): EU đã đưa ra kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn, nhằm đạt được nền kinh tế không thải rác vào năm 2050. Các quốc gia thành viên được khuyến khích phát triển các sáng kiến nhằm giảm thiểu chất thải và sử dụng tài nguyên hiệu quả. (ii) Trung Quốc: Là một trong những quốc gia tiên phong áp dụng kinh tế tuần hoàn với các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và cộng đồng hướng tới việc tái chế và tái sử dụng tài nguyên. (iii) Nhật Bản: Chính phủ Nhật Bản đã triển khai nhiều chính sách khuyến khích kinh

tế tuần hoàn, đặc biệt là trong ngành công nghiệp và sản xuất.

Tại Việt Nam, kinh tế tuần hoàn đã bắt đầu được quan tâm và triển khai ở một số lĩnh vực: (i) Chính sách và Chiến lược: Việt Nam đã thông qua Luật Bảo vệ Môi trường sửa đổi vào năm 2020, trong đó có nhiều điều khoản khuyến khích kinh tế tuần hoàn. Các chiến lược phát triển bền vững cũng đã được Chính phủ Việt Nam đẩy mạnh. (ii) Thực tiễn triển khai: Nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam đã bắt đầu áp dụng các nguyên tắc kinh tế tuần hoàn trong sản xuất, đặc biệt là trong ngành sản xuất nhựa và điện tử. Các mô hình như tái chế pin mặt trời, tái sử dụng chất thải nông nghiệp cũng đang được thí điểm và mở rộng. (iii) Thách thức và Cơ hội: Nhận thức về kinh tế tuần hoàn còn hạn chế, cơ sở hạ tầng và công nghệ phục vụ cho tái chế và tái sử dụng chưa phát triển đầy đủ. Bên cạnh đó, còn có các rào cản về chính sách và tài chính. Việt Nam có thể học hỏi từ các quốc gia tiên tiến, tận dụng các nguồn tài trợ quốc tế và sự hỗ trợ kỹ thuật để phát triển kinh tế tuần hoàn. Các ngành công nghiệp chủ chốt như nông nghiệp, thủy sản và du lịch có thể hưởng lợi lớn từ mô hình này. Như vậy, Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế bền vững, không chỉ giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường mà còn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xanh. Trên thế giới, nhiều quốc gia đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc triển khai kinh tế tuần hoàn. Tại Việt Nam, mặc dù còn nhiều thách thức, nhưng cơ hội phát triển kinh tế tuần hoàn là rất lớn nếu có sự đầu tư và cam kết mạnh mẽ từ cả chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp để nhận rõ sự cần thiết và tầm quan trọng của kinh tế tuần hoàn và tăng trưởng xanh đối với Việt Nam hiện nay.

Tóm lại, Kinh tế tuần hoàn là những chiến lược không thể thiếu đối với sự phát triển bền vững của Việt Nam. Trong bối cảnh khủng hoảng môi trường và biến đổi

khí hậu ngày càng gia tăng, cùng với áp lực từ hội nhập quốc tế, việc chuyển đổi sang một nền kinh tế bền vững và thân thiện với môi trường không chỉ là một lựa chọn, mà còn là một yêu cầu cấp thiết. Bằng cách thực hiện các chính sách và chiến lược phù hợp, Việt Nam có thể đạt được mục tiêu phát triển kinh tế bền vững, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

2. Cơ sở lý luận về kinh tế tuần hoàn và tăng trưởng xanh

2.1. Kinh tế tuần hoàn

Kinh tế tuần hoàn hướng tới việc kết nối điểm cuối của đường thẳng ấy trở lại với điểm đầu, trở thành một vòng tuần hoàn của vật chất. Hơn nữa, Kinh tế tuần hoàn còn tạo ra các vòng tuần hoàn nhỏ trong mỗi khâu khai thác, sản xuất, phân phối và tiêu dùng, giữ cho vật chất được sử dụng lâu nhất có thể.

Định nghĩa [1]: “Kinh tế tuần hoàn là một hệ thống có tính khôi phục và tái tạo thông qua các kế hoạch và thiết kế chủ động. Nó thay thế khái niệm “kết thúc vòng đời” của vật liệu bằng khái niệm khôi phục, chuyển dịch theo hướng sử dụng năng lượng tái tạo, không dùng các hóa chất độc hại gây tổn hại tới việc tái sử dụng và hướng tới giảm thiểu chất thải thông qua việc thiết kế vật liệu, sản phẩm, hệ thống kỹ thuật và cả các mô hình kinh doanh trong phạm vi của hệ thống đó”. Đây là định nghĩa được nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế thừa nhận rộng rãi hiện nay. Theo đó, Kinh tế tuần hoàn có 3 nội hàm cơ bản sau: (i) Tái tạo các hệ thống tự nhiên: Bảo tồn và tái tạo vốn tự nhiên (đất, nước,...) thông qua việc kiểm soát hợp lý các tài nguyên không thể phục hồi và sử dụng cân đối với các tài nguyên có thể phục hồi, hạn chế sử dụng năng lượng hóa thạch và tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo; (ii) Giữ cho sản phẩm và vật liệu được sử dụng: Tối ưu hóa lợi tức của tài nguyên bằng cách tuần hoàn các sản phẩm và vật liệu nhiều nhất

có thể trong các chu trình kỹ thuật và sinh học; (iii) Thiết kế chất thải và ô nhiễm: Nâng cao hiệu suất chung của toàn hệ thống bằng cách xác định được và thậm chí tiến tới mức cao hơn là thiết kế các ngoại ứng tiêu cực (thiết kế chất thải, thiết kế ô nhiễm).

2.2. Tăng trưởng xanh

Ngân hàng Thế giới (WB) cho rằng: “Tăng trưởng xanh là hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, sạch trong việc giảm thiểu ô nhiễm và các tác động môi trường, linh hoạt trong khả năng thích ứng với các hiểm họa thiên nhiên, quản lý môi trường và vốn tự nhiên trong phòng chống thiên tai.” [2].

Theo Tổ chức Hợp tác Phát triển kinh tế OECD, Tăng trưởng xanh bao gồm “thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế đồng thời đảm bảo rằng các nguồn tài sản tự nhiên tiếp tục cung cấp tài nguyên và dịch vụ môi trường cho sự thịnh vượng của chúng ta. Để thực hiện điều này, tăng trưởng xanh phải là nhân tố xúc tác trong việc đầu tư và đổi mới, là cơ sở cho sự tăng trưởng bền vững và tăng cường tạo ra các cơ hội kinh tế mới.” [3].

Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh của Việt Nam, cũng xác định 3 nhiệm vụ chiến lược, gồm: (i) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; (ii) Xanh hóa sản xuất và (iii) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý nhận định của UNESCAP [4], đó là trong bối cảnh nhiều nơi trên thế giới vẫn còn nghèo đói thì tăng trưởng xanh là điều kiện cần để tiến tới Kinh tế xanh. Đây có lẽ là lý do chính khiến Tăng trưởng xanh đã được chú ý nhiều hơn so với Kinh tế xanh trong những năm đầu thế kỷ 21.

2.3. Kinh tế xanh

Kinh tế xanh là một mô hình phát triển kinh tế nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và năng lượng, đồng thời

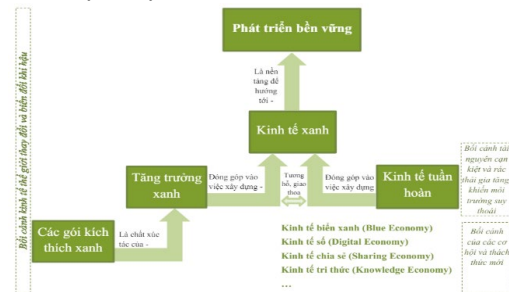
tạo ra các cơ hội việc làm và tăng trưởng kinh tế bền vững. Kinh tế xanh nhấn mạnh vào việc tích hợp các yếu tố môi trường vào quá trình phát triển kinh tế nhằm đạt được sự cân bằng giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và phúc lợi xã hội. Theo Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP), kinh tế xanh được định nghĩa là “nền kinh tế tạo ra sự cải thiện về phúc lợi con người và bình đẳng xã hội, đồng thời giảm đáng kể rủi ro môi trường và khan hiếm sinh thái” [5]. Kinh tế xanh không chỉ tập trung vào việc giảm phát thải khí nhà kính và ô nhiễm môi trường mà còn hướng tới việc sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phát triển năng lượng tái tạo, và bảo vệ đa dạng sinh học [5], [6].

Một số yếu tố chính của kinh tế xanh bao gồm: (i) Sử dụng hiệu quả tài nguyên: Kinh tế xanh khuyến khích việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững và hiệu quả, nhằm giảm thiểu lãng phí và tác động tiêu cực đến môi trường. Điều này bao gồm việc áp dụng các công nghệ tiên tiến và quy trình sản xuất sạch hơn [2]. (ii) Phát triển năng lượng tái tạo: Kinh tế xanh thúc đẩy việc phát triển và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, và năng lượng sinh học. Điều này giúp giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và giảm phát thải khí nhà kính [6]. (iii) Bảo vệ và phục hồi môi trường: Kinh tế xanh đặt mục tiêu bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Các biện pháp này bao gồm việc quản lý bền vững rừng, đất, nước và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác [7]. (iv) Cải thiện phúc lợi xã hội và bình đẳng: Kinh tế xanh không chỉ tập trung vào các lợi ích môi trường mà còn hướng tới việc cải thiện phúc lợi xã hội và bình đẳng. Điều này bao gồm việc tạo ra các cơ hội việc làm xanh, cải thiện điều kiện sống và làm việc của người dân, và đảm bảo sự công bằng

trong việc phân chia lợi ích kinh tế và tài nguyên [8].

2.4. Mối quan hệ giữa tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn với kinh tế xanh và phát triển bền vững

2.4.1. Tăng trưởng xanh thúc đẩy Kinh tế xanh tại Việt Nam



Hình 1. Sơ đồ giữa tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn với kinh tế xanh và phát triển bền vững [9].

Tăng trưởng xanh tại Việt Nam: Tăng trưởng xanh được định nghĩa là chiến lược phát triển kinh tế nhằm đạt được sự phát triển bền vững thông qua việc giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và sử dụng tài nguyên hiệu quả. Tại Việt Nam, chính phủ đã xác định tăng trưởng xanh là một trong những ưu tiên chiến lược trong quá trình phát triển kinh tế quốc gia. Theo Quyết định số 1393/QĐ-TTg năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng Xanh giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được ban hành, nhấn mạnh vào việc chuyển đổi nền kinh tế theo hướng phát triển bền vững [10].

Các yếu tố thúc đẩy kinh tế xanh: (i) Sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng: Tăng trưởng xanh khuyến khích việc sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng, từ đó giảm thiểu lãng phí và ô nhiễm. Việt Nam đã triển khai nhiều chương trình và dự án nhằm cải thiện hiệu quả năng lượng trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Các chính sách khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió đã góp phần quan trọng trong việc giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi

trường [11]. (ii) Phát triển công nghệ sạch và thân thiện với môi trường: Tăng trưởng xanh thúc đẩy nghiên cứu và phát triển các công nghệ sạch, từ đó cải thiện hiệu suất sản xuất và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Việt Nam đã và đang đầu tư mạnh mẽ vào các công nghệ như công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, và công nghệ xanh nhằm nâng cao giá trị gia tăng và bền vững của các sản phẩm và dịch vụ [12]. (iii) Chính sách và quy định hỗ trợ: Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách và quy định nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh và kinh tế xanh. Các chính sách này bao gồm việc ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp xanh, hỗ trợ tài chính cho các dự án năng lượng tái tạo và môi trường, cũng như khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn môi trường quốc tế [13]. Tác động của tăng trưởng xanh đối với kinh tế xanh tại Việt Nam bao gồm: (i) Tạo ra việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống: Tăng trưởng xanh không chỉ tạo ra các cơ hội việc làm mới trong các ngành công nghiệp xanh và dịch vụ môi trường mà còn cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân thông qua việc giảm ô nhiễm và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Các dự án năng lượng tái tạo và công nghệ sạch đã tạo ra nhiều việc làm mới, đồng thời cải thiện điều kiện làm việc và môi trường sống [14]. (ii) Thúc đẩy phát triển bền vững: Tăng trưởng xanh đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển bền vững tại Việt Nam. Việc áp dụng các công nghệ và quy trình sản xuất xanh không chỉ giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường mà còn nâng cao năng suất và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường quốc tế. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu và yêu cầu cao về tiêu chuẩn môi trường của các thị trường xuất khẩu [15]. (iii) Cải thiện quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường: Tăng trưởng xanh

thúc đẩy việc quản lý tài nguyên hiệu quả và bảo vệ môi trường thông qua việc áp dụng các chính sách và biện pháp cụ thể. Các chương trình như tái chế, sử dụng lại và giảm thiểu chất thải đã được triển khai rộng rãi, góp phần giảm áp lực lên tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ đa dạng sinh học [16].

2.4.2. Kinh tế tuần hoàn thúc đẩy Kinh tế xanh tại Việt Nam

Kinh tế tuần hoàn là một mô hình kinh tế mới, trong đó tài nguyên được sử dụng lại một cách hiệu quả thông qua các chu kỳ sản xuất và tiêu dùng, từ đó giảm thiểu chất thải và tác động tiêu cực đến môi trường [17]. Kinh tế tuần hoàn không chỉ tạo ra lợi ích kinh tế mà còn hỗ trợ bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, góp phần vào sự phát triển của kinh tế xanh [18].

Tác động của Kinh tế tuần hoàn đến Kinh tế xanh bao gồm: (i) Giảm thiểu chất thải và sử dụng tài nguyên hiệu quả: Kinh tế tuần hoàn tập trung vào việc giảm thiểu chất thải và tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Điều này giúp giảm áp lực lên môi trường và tăng cường sự bền vững của hệ sinh thái. Tại Việt Nam, các chính sách và chương trình về quản lý chất thải và tái chế đã được triển khai nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn [19]. (ii) Phát triển năng lượng tái tạo: Kinh tế tuần hoàn thúc đẩy việc sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo và giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Việt Nam đã đầu tư mạnh mẽ vào các dự án năng lượng mặt trời và năng lượng gió, góp phần giảm phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế xanh [20]. (iii) Tạo ra việc làm xanh và cải thiện phúc lợi xã hội: Kinh tế tuần hoàn tạo ra nhiều cơ hội việc làm trong các lĩnh vực tái chế, năng lượng tái tạo, và quản lý chất thải. Điều này không chỉ giúp cải thiện phúc lợi xã hội mà còn góp phần vào sự phát triển kinh tế bền vững. Các sáng kiến về việc

làm xanh tại Việt Nam đã được triển khai và mang lại hiệu quả tích cực [21].

(iv) Bảo vệ và phục hồi môi trường: Kinh tế tuần hoàn hỗ trợ bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, từ đó giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ đa dạng sinh học. Các dự án phục hồi rừng và quản lý bền vững nguồn tài nguyên nước tại Việt Nam đã được thực hiện, góp phần vào sự phát triển của kinh tế xanh [22]. Tóm lại, mối quan hệ giữa kinh tế tuần hoàn và tăng trưởng xanh là mật thiết và tương hỗ. Việc áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn không chỉ giúp bảo vệ môi trường mà còn thúc đẩy tăng trưởng xanh, tạo ra các giá trị kinh tế mới và nâng cao chất lượng cuộc sống. Việt Nam cần thực hiện đồng bộ các giải pháp từ chính sách, đầu tư, giáo dục đến hợp tác quốc tế để thúc đẩy mối quan hệ này và hướng tới một nền kinh tế bền vững. Như vậy, kinh tế tuần hoàn có tác động mạnh mẽ đến việc thúc đẩy kinh tế xanh tại Việt Nam. Việc áp dụng các nguyên tắc của kinh tế tuần hoàn không chỉ giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường mà còn tạo ra nhiều cơ hội kinh tế và xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

2.4.3. Mối quan hệ tương hỗ của Kinh tế xanh và Kinh tế tuần hoàn thúc đẩy tăng trưởng Kinh tế xanh tại Việt Nam.

Mối quan hệ tương hỗ giữa Kinh tế xanh và Kinh tế tuần hoàn bao gồm: (i) Giảm thiểu tác động môi trường: Kinh tế tuần hoàn và kinh tế xanh đều hướng đến mục tiêu giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Kinh tế tuần hoàn giúp giảm lượng chất thải và tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên, trong khi kinh tế xanh tập trung vào việc giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ đa dạng sinh học [5]. (ii) Sử dụng tài nguyên hiệu quả: Cả hai mô hình kinh tế này đều khuyến khích việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững và hiệu quả. Kinh tế tuần hoàn thúc đẩy việc tái chế

và tái sử dụng tài nguyên, từ đó giảm thiểu lãng phí, trong khi kinh tế xanh khuyến khích việc phát triển và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo [19]. (iii) Phát triển năng lượng tái tạo: Kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn đều thúc đẩy việc phát triển và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng gió và năng lượng sinh học. Điều này giúp giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và giảm phát thải khí nhà kính, góp phần vào sự phát triển bền vững [20]. (iv) Tạo ra việc làm xanh: Kinh tế tuần hoàn và kinh tế xanh đều tạo ra nhiều cơ hội việc làm trong các lĩnh vực như tái chế, năng lượng tái tạo, và quản lý chất thải. Việc này không chỉ giúp cải thiện phúc lợi xã hội mà còn góp phần vào sự phát triển kinh tế bền vững [21]. (v) Bảo vệ và phục hồi môi trường: Kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn đều đặt mục tiêu bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Các biện pháp này bao gồm việc quản lý bền vững rừng, đất, nước và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác [22].

Tác động thúc đẩy Kinh tế xanh tại Việt Nam: Tại Việt Nam, việc áp dụng các nguyên tắc của kinh tế tuần hoàn và kinh tế xanh đã mang lại nhiều lợi ích đáng kể. Các chính sách và chương trình quản lý chất thải, phát triển năng lượng tái tạo và bảo vệ môi trường đã góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và thúc đẩy sự phát triển bền vững. Các dự án năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời và năng lượng gió đã được triển khai mạnh mẽ, giúp giảm phát thải khí nhà kính và tạo ra nhiều cơ hội việc làm xanh [20], [21]. Tóm lại, mối quan hệ tương hỗ giữa kinh tế tuần hoàn và kinh tế xanh đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững tại Việt Nam. Việc áp dụng các mô hình kinh tế này không

chỉ giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường mà còn tạo ra nhiều cơ hội kinh tế và xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

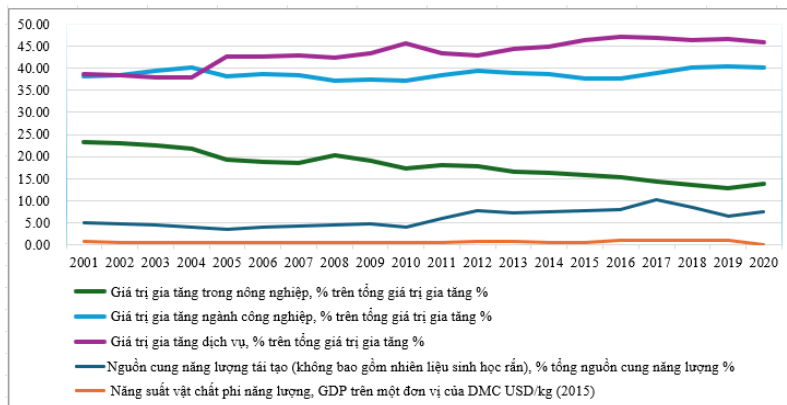
3. Thực trạng và thách thức đối với tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam hiện nay

3.1. Thực trạng tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam

Tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn đã trở thành những xu hướng quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam. Chính phủ đã đưa ra nhiều chính sách và chương trình nhằm thúc đẩy các mô hình kinh tế này, bao gồm việc phát triển năng lượng tái tạo, cải thiện hiệu quả sử dụng tài nguyên, và quản lý chất thải.

Chính sách và pháp luật: Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật và chính sách nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn. Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là một trong những ví dụ điển hình. Phát triển năng lượng tái tạo: Việt Nam đã đầu tư mạnh mẽ vào các dự án năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời và năng lượng gió. Đến cuối năm 2020, Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng năng lượng mặt trời nhanh nhất thế giới [19]. Quản lý chất thải và tái chế: Các chương trình quản lý chất thải và tái chế đã được triển khai tại nhiều địa phương, nhằm giảm thiểu lượng rác thải phát sinh và tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên [21].

Số liệu của WB (2024) theo dõi bộ dữ liệu một số chỉ tiêu liên quan đến tăng trưởng xanh tại Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2020, bao gồm các yếu tố như nguồn cung năng lượng tái tạo, năng suất vật chất phi năng lượng, và giá trị gia tăng trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp, và dịch vụ.



Hình 2. Một số chỉ tiêu tăng trưởng xanh của Việt Nam (Nguồn: WB 2001 – 2020).

Nhận xét xu hướng theo các chỉ tiêu: Nguồn cung năng lượng tái tạo (không bao gồm năng lượng sinh học) (%): Từ năm 2001 đến năm 2020, tỷ lệ nguồn cung năng lượng tái tạo có sự biến động. Bắt đầu từ 5.11% vào năm 2001, tỷ lệ này giảm vào những năm đầu 2000, sau đó bắt đầu tăng lên đáng kể từ năm 2011 và đạt đỉnh vào năm 2017 (10.31%). Tuy nhiên, sau đó lại giảm xuống còn 7.45% vào năm 2020. Xu hướng: Nguồn năng lượng tái tạo có xu hướng tăng trưởng vào nửa sau của giai đoạn này, cho thấy sự đầu tư và chú trọng vào năng lượng sạch ở Việt Nam.

Năng suất vật chất phi năng lượng (GDP trên mỗi kg vật chất, USD/kg): Trong suốt giai đoạn này, năng suất vật chất phi năng lượng không tăng mạnh. Mức thấp nhất là vào năm 2005 (0.57 USD/kg), nhưng sau đó dần dần có sự cải thiện và đạt mức cao hơn, với 1.11 USD/kg vào năm 2019. Xu hướng: Dù có sự cải thiện, năng suất vật chất phi năng lượng chưa có sự bứt phá mạnh mẽ, điều này có thể cho thấy tiềm năng phát triển bền vững vẫn đang ở mức trung bình.

Giá trị gia tăng trong nông nghiệp (% trên tổng GDP): Tỷ lệ giá trị gia tăng từ nông nghiệp giảm dần qua các năm, từ 23.24% vào năm 2001 xuống còn 12.94% vào năm 2019. Mặc dù có một chút tăng nhẹ lên 13.87% vào năm 2020, xu hướng chung vẫn là giảm. Xu hướng: Vai trò của nông nghiệp trong nền kinh tế đang suy

giảm, có thể là do sự chuyển dịch sang các ngành khác có giá trị gia tăng cao hơn.

Giá trị gia tăng ngành công nghiệp (% trên tổng GDP): Ngành công nghiệp duy trì một mức ổn định quanh 38-40% trong giai đoạn này. Đặc biệt, từ năm 2016 đến 2020, tỷ lệ này tăng nhẹ lên khoảng 40%. Xu hướng: Công nghiệp tiếp tục là một trụ cột kinh tế của Việt Nam, với sự tăng trưởng ổn định.

Giá trị gia tăng ngành dịch vụ (% trên tổng GDP): Tỷ lệ giá trị gia tăng từ dịch vụ tăng lên trong suốt giai đoạn này, từ 38.63% vào năm 2001 lên đến 46.64% vào năm 2019, nhưng giảm nhẹ vào năm 2020 (45.85%). Xu hướng: Ngành dịch vụ đang trở thành một phần quan trọng hơn của nền kinh tế, thể hiện xu hướng dịch chuyển sang các ngành có tính bền vững hơn.

Nhận định về tăng trưởng xanh tại Việt Nam: Xu hướng dữ liệu cho thấy Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong việc phát triển năng lượng tái tạo và cải thiện hiệu quả vật chất phi năng lượng. Tuy nhiên, mức tăng trưởng trong năng suất vẫn còn khiêm tốn và chưa có sự đột phá mạnh mẽ. Ngành công nghiệp và dịch vụ đang chiếm ưu thế hơn so với nông nghiệp, cho thấy một sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Điều này phù hợp với chiến lược phát triển bền vững và giảm thiểu tác động tiêu cực của các ngành khai thác tài nguyên thiên nhiên. Tuy nhiên, để thúc đẩy tăng trưởng xanh hơn nữa, Việt Nam

cần tiếp tục đầu tư vào công nghệ sạch, tối ưu hóa sử dụng tài nguyên, và giảm sự phụ thuộc vào các ngành tiêu tốn năng lượng và tài nguyên không tái tạo. Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực trong việc thúc đẩy tăng trưởng xanh, nhưng vẫn còn nhiều thách thức cần vượt qua. Việc tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách, huy động nguồn lực và nâng cao nhận thức của toàn xã hội là chìa khóa để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

3.2. Thách thức đối với tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam
Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu, Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức trong việc thúc đẩy tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn bao gồm:

Hạn chế về nguồn lực và công nghệ: Sự thiếu hụt về nguồn lực tài chính và công nghệ hiện đại là một trong những thách thức lớn nhất. Nhiều doanh nghiệp vẫn chưa có khả năng tiếp cận các công nghệ tiên tiến cần thiết để triển khai các mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả.

Thiếu hụt về nguồn nhân lực chất lượng cao: Để thực hiện thành công các chính sách và chương trình về tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn, cần có một đội ngũ nhân lực chất lượng cao, am hiểu về các mô hình kinh tế mới. Tuy nhiên, hiện nay, nguồn nhân lực này vẫn còn hạn chế.

Khung pháp lý chưa hoàn chỉnh: Mặc dù đã có nhiều chính sách và văn bản pháp luật được ban hành, nhưng khung pháp lý vẫn còn nhiều bất cập và chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp triển khai các mô hình kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn.

Ý thức và hành vi của người tiêu dùng: Ý thức và hành vi của người tiêu dùng về việc bảo vệ môi trường và sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường vẫn còn hạn chế. Điều này gây khó khăn trong việc thúc đẩy thị trường cho các sản phẩm và dịch vụ xanh.

Như vậy, Việt Nam đang trên con đường thúc đẩy tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn nhằm hướng tới một nền kinh tế xanh và bền vững. Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, nhưng còn rất nhiều thách thức cần phải vượt qua. Cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan chính phủ, doanh nghiệp và cộng đồng để có thể đạt được các mục tiêu kinh tế xanh một cách hiệu quả và bền vững.

4. Định hướng và giải pháp

4.1. Định hướng chính sách và chiến lược quốc gia

Phát triển khung pháp lý và chính sách: (i) Hoàn thiện hệ thống luật pháp: Xây dựng và hoàn thiện các luật, nghị định và thông tư hướng dẫn liên quan đến kinh tế tuần hoàn. Điều này bao gồm các quy định về quản lý chất thải, tái chế và tái sử dụng tài nguyên. (ii) Chính sách khuyến khích và hỗ trợ: Đưa ra các chính sách khuyến khích tài chính, thuế ưu đãi và hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn.

Chiến lược quốc gia về kinh tế tuần hoàn: (i) Xây dựng chiến lược quốc gia: Phát triển chiến lược quốc gia về kinh tế tuần hoàn với các mục tiêu cụ thể và các bước triển khai rõ ràng. (ii) Lồng ghép vào các chiến lược phát triển khác: Tích hợp kinh tế tuần hoàn vào các chiến lược phát triển ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và xây dựng.

4.2. Các giải pháp

4.2.1. Hoàn thiện khung pháp lý và chính sách

Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật: Chính phủ cần tiếp tục hoàn thiện các luật và quy định liên quan đến kinh tế tuần hoàn và tăng trưởng xanh, bao gồm các chính sách về quản lý chất thải, tái chế, và tái sử dụng tài nguyên. Điều này sẽ tạo ra một môi trường pháp lý thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp triển khai các mô hình bền vững.

Chính sách ưu đãi và hỗ trợ: Áp dụng các chính sách khuyến khích tài chính, ưu

đầu thuê và hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp và tổ chức áp dụng công nghệ xanh, tái chế, và năng lượng tái tạo.

4.2.2. Đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ sạch

Công nghệ tái tạo: Đầu tư vào các công nghệ năng lượng sạch và tái tạo như điện mặt trời, điện gió, và công nghệ tái chế tiên tiến để giảm phát thải và tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên.

Công nghệ quản lý chất thải: Triển khai các công nghệ xử lý và tái chế chất thải hiện đại, giảm thiểu việc chôn lấp và tăng cường tái sử dụng các nguyên liệu có thể tái chế.

4.2.3. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Đào tạo nhân lực xanh: Xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu về kinh tế tuần hoàn và tăng trưởng xanh tại các trường đại học và tổ chức nghiên cứu. Đặc biệt chú trọng việc phát triển nguồn nhân lực có khả năng nghiên cứu và ứng dụng các mô hình bền vững.

Chương trình học tập và trao đổi quốc tế: Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc trao đổi kiến thức và kinh nghiệm về kinh tế tuần hoàn, đặc biệt là từ các quốc gia đã thành công trong lĩnh vực này.

4.2.4. Nâng cao nhận thức cộng đồng và thay đổi hành vi tiêu dùng

Chiến dịch tuyên truyền: Tổ chức các chiến dịch tuyên truyền rộng rãi để nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của việc tiêu dùng bền vững và bảo vệ môi trường.

Thúc đẩy tiêu dùng xanh: Khuyến khích và hỗ trợ người tiêu dùng lựa chọn các sản phẩm thân thiện với môi trường bằng cách phát triển các nhãn hiệu xanh và các chương trình khuyến khích tài chính.

4.2.5. Thúc đẩy hợp tác công - tư

Quan hệ đối tác công - tư: Chính phủ cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân tham gia vào các dự án xanh thông qua các quan hệ đối tác công - tư, giúp huy

động nguồn lực tài chính và kỹ thuật từ khu vực tư nhân.

Dự án thí điểm: Thực hiện các dự án thí điểm về kinh tế tuần hoàn tại các ngành công nghiệp chính như nông nghiệp, thủy sản, và sản xuất, từ đó rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình.

4.2.6. Khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn tại các doanh nghiệp

Tái chế và tái sử dụng: Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các mô hình tái chế và tái sử dụng, không chỉ trong sản xuất mà còn trong quản lý sản phẩm sau khi tiêu dùng.

Giảm thiểu chất thải: Tạo điều kiện và cung cấp hỗ trợ cho các doanh nghiệp xây dựng các kế hoạch giảm thiểu chất thải trong toàn bộ chuỗi cung ứng, từ sản xuất đến phân phối.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng kinh tế tuần hoàn và tăng trưởng xanh là hai yếu tố then chốt, có mối quan hệ mật thiết và hỗ trợ lẫn nhau, góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của Việt Nam. Kinh tế tuần hoàn, với việc tối ưu hóa sử dụng tài nguyên và giảm thiểu chất thải, giúp giảm áp lực lên môi trường và thúc đẩy tăng trưởng xanh. Đồng thời, tăng trưởng xanh, với việc tập trung vào sử dụng năng lượng tái tạo, công nghệ sạch và quản lý tài nguyên hiệu quả, cũng hỗ trợ trực tiếp cho việc triển khai kinh tế tuần hoàn.

Giải pháp được đề xuất trong nghiên cứu tập trung vào việc hoàn thiện khung pháp lý, tăng cường nguồn lực, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao nhận thức cộng đồng, thúc đẩy hợp tác và khuyến khích đầu tư. Kỳ vọng của giải pháp là tạo ra một môi trường thuận lợi cho việc áp dụng kinh tế tuần hoàn và tăng trưởng xanh, từ đó thúc đẩy sự phát triển bền vững ở Việt Nam. Cụ thể, giải pháp hướng đến việc tạo lập một hệ thống luật pháp minh bạch và đồng bộ, thu hút đầu tư và công nghệ, phát triển đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao và nâng cao nhận

thức, thay đổi hành vi của người dân về bảo vệ môi trường và tiêu dùng bền vững. Thông qua đó, Việt Nam có thể đạt được mục tiêu phát triển kinh tế xanh, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân một cách hiệu quả và bền vững.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ellen MacArthur Foundation, "Towards the Circular Economy: Economic and Business Rationale for an Accelerated Transition," 2013. [Online]. Available: http://circularfoundation.org/sites/default/files/tce_report1_2012.pdf. [Accessed: 02-May-2019].
- [2] World Bank, "Inclusive green growth: the pathway to sustainable development," 2012. [Online]. Available: <http://documents.worldbank.org/curated/en/368361468313515918/Main-report>. [Accessed: 02-May-2019].
- [3] OECD, "Green Growth Indicators 2014," 2014. OECD Green Growth Studies, OECD Publishing, 2014.
- [4] UNESCAP, "Green Growth and Green Economy," Retrieved 2 May, 2019, from <https://www.unescap.org/our-work/environment-development/green-growth-greeneconomy/about>, 2013.
- [5] UNEP, "Towards a Green Economy: Pathways to Sustainable Development and Poverty Eradication," United Nations Environment Programme, 2011.
- [6] OECD, "Green Growth and Sustainable Development," Organisation for Economic Co-operation and Development, 2013.
- [7] UNESCAP, "Green Growth, Resources and Resilience: Environmental Sustainability in Asia and the Pacific," United Nations Economic and Social Commission for Asia and the Pacific, 2010.
- [8] M. Pearce và K. Turner, "Green Growth: Economic Theory and Political Discourse," Edward Elgar Publishing, 2015.
- [9] N. H. Nam, N. T. Chinh và T. V. Ý, "Mối quan hệ giữa Tăng trưởng xanh, Kinh tế xanh, Kinh tế tuần hoàn và Phát triển bền vững," *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, số 5(504), tr. 47-60, Tháng 5/2020.
- [10] CPV, "Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng Xanh giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050," Quyết định số 1393/QĐ-TTg, 2012.
- [11] UNDP, "Vietnam Human Development Report 2020: Growth that Works for All," United Nations Development Programme, 2020.
- [12] GSO, "Statistical Yearbook of Vietnam 2019," General Statistics Office of Vietnam, 2019.
- [13] MPI, "Vietnam's Green Growth Strategy and Action Plan," Ministry of Planning and Investment, 2020.
- [14] ADB, "Green Growth, Resources and Resilience: Environmental Sustainability in Asia and the Pacific," Asian Development Bank, 2018.
- [15] WB, "Vietnam 2020: Toward Prosperity, Creativity, Equity, and Democracy," The World Bank, 2020.
- [16] MARD, "Vietnam's National Action Plan on Biodiversity 2019-2030," Ministry of Agriculture and Rural Development, 2019.
- [17] Ellen MacArthur Foundation, "Towards the Circular Economy: Economic and Business Rationale for an Accelerated Transition," 2013.
- [18] P. Ghisellini, C. Cialani và S. Ulgiati, "A review on circular economy: the expected transition to a balanced interplay of environmental and economic systems," *Journal of Cleaner Production*, vol. 114, pp. 11-32, 2016.
- [19] N. Đ. Trọng và T. H. Tùng, "Quản lý chất thải rắn và tái chế tại Việt Nam: Hướng tới nền kinh tế tuần hoàn," *Tạp chí Khoa học Môi trường*, vol. 19, no. 2, pp. 100-112, 2020.
- [20] N. P. Thịnh, "Phát triển năng lượng tái tạo tại Việt Nam: Thách thức và cơ hội," *Tạp chí Năng lượng Việt Nam*, vol. 10, no. 3, pp. 45-58, 2019.
- [21] P. V. Minh, "Việc làm xanh trong bối cảnh kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam," *Tạp chí Lao động và Công đoàn*, vol. 7, no. 1, pp. 23-35, 2018.
- [22] L. H. Tâm, "Bảo vệ và phục hồi hệ sinh thái rừng tại Việt Nam," *Tạp chí Sinh thái và Môi trường*, vol. 12, no. 4, pp. 66-80, 2017.

Ngày nhận bài: 28/06/2024

Ngày hoàn thành sửa bài: 25/09/2024

Ngày chấp nhận đăng: 26/09/2024